

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Hà Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:** Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/DSST ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị My Th**, sinh năm: 1975  
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam  
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm: 1974  
Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)
- Bị đơn: Anh **Phan Văn B**, sinh năm 1970  
Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)  
Người làm chứng: Chị **Bùi Thị M**, sinh năm: 1973  
Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện của Nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 16/4/2023 chị Th có cho anh Phan Văn B vay số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) để làm ăn, thời hạn vay là 12 tháng, hai bên có viết giấy tờ vay và có chữ ký xác nhận của anh Phan Văn B. Khi đến hạn trả nợ anh B đã không trả nợ đúng hạn cho chị Th mặc dù chị Th đã nhiều lần yêu cầu anh B trả nợ. Cho đến hôm nay anh B chưa trả chị Th được số tiền gốc nào.

Về lãi suất: Chị Th và anh B đã chốt số nợ lãi theo Thoả thuận, tổng số tiền

lãi suất tính đến ngày 16/6/2024 là: 100.000.000đ.

Hiện nay chị Th yêu cầu anh B trả cả gốc và lãi tổng cộng là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và trả lãi tiếp từ ngày 17/6/2024 trên số nợ gốc cho đến khi trả nợ xong với lãi suất là 1%/tháng.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Phan Văn B trình bày:*

Do có quan hệ làm ăn trong việc mua bán mỳ nên từ năm 2020 cho đến năm 2023, chị Th có đầu tư cho anh vay tiền để mua mỳ trong dân bán kiếm lời sau đó hai bên chia lợi nhuận. Tuy nhiên cho đến năm 2023 do làm ăn không thuận lợi nên anh có nợ âm tiền mỳ của chị Th, sau đó anh và chị Th thống nhất cộng sổ và hai bên chốt nợ đến ngày 16/4/2023 anh còn nợ chị Th số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ cho chị Th là trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 16/4/2023. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, do làm ăn thua lỗ nên anh không trả nợ cho chị Th được. Nay số nợ này anh xin trả dần cho chị Th trong vòng 10 năm.

Về lãi suất: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Th tính đến ngày 16/6/2024 anh còn nợ chị Th tiền lãi là 100.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2024 người làm chứng chị Bùi Thị M trình bày:*

Chị là vợ của anh Phan Văn B, anh chị kết hôn từ năm 1991 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện E.

Vào ngày 16/4/2023 anh B vay tiền của chị Th số tiền bao nhiêu thì chị không biết nhưng khi chị Th khởi kiện anh B ra Toà án thì anh B có nói cho chị biết có vay tiền của chị Th số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Chị không ký vào giấy tờ vay tiền nào của chị Th, thời điểm anh B vay tiền của chị Th thì chị và anh B vẫn là vợ chồng, nhưng anh chị đã ly thân khoảng 08 năm nay, nên việc làm ăn kinh tế không liên quan đến nhau. Anh B không sử dụng số tiền vay này vào công việc chung của gia đình, nên chị xác nhận đây là nợ riêng của anh B và anh B phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Th.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2024 người làm chứng anh Nguyễn Văn M trình bày:* Anh có nghe vợ nói vào ngày 16/4/2023 có cho anh Phan Văn B trú tại thôn 3, xã Ea Bung, huyện Ea Súp vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, hai bên có viết giấy tờ vay và có chữ ký xác nhận của anh Phan Văn B.

Khi đến hạn trả nợ anh B đã không trả nợ đúng hạn cho vợ anh mặc dù vợ anh đã nhiều lần yêu cầu anh B trả nợ nhưng anh B không trả. Nguồn gốc số tiền mà vợ anh cho anh B vay là tiền làm ăn riêng của vợ, không liên quan gì đến anh, nên hiện nay anh không có yêu cầu hay đề nghị gì.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phan Văn B phải trả cho nguyên đơn chị Ngô Thị My Th số tiền gốc và lãi đã Thả thuận là 600.000.000 đồng và trả lãi tiếp kể từ ngày 17/6/2024 cho đến nay.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị My Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Phan Văn B phải trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền ngày 16/4/2023. Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Nguyên đơn chị Ngô Thị My Th khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Phan Văn B phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 16/4/2023, thời hạn vay là 12 tháng, bị đơn anh Phan Văn B đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh trình bày hiện tại anh rất khó khăn nên không thể trả ngay cho chị Th mà anh xin trả dần trong thời hạn 10 năm, chị Th không đồng ý với ý kiến của anh B mà buộc anh B phải trả ngay vì đã quá hạn hơn 01 năm mà anh B không trả cho chị.

Xét thấy bị đơn có thừa nhận vào ngày 16/4/2023 anh B có chốt số nợ vay tiền của chị Ngô Thị My Th với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn trả nợ là 12 tháng kể từ ngày vay, khi đến hạn thanh toán anh B không trả tiền cho chị Th là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, chị Th khởi kiện anh B là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị My Th buộc bị đơn anh Phan Văn B phải trả cho chị Ngô Thị My Th số tiền đã vay theo giấy biên nhận ngày 16/4/2023 là 500.000.000đ là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết hai bên đã tự nguyện chốt tiền lãi vay trước đó đến ngày 16/6/2024, tổng cộng là 100.000.000đ, xét thấy Thỏa thuận này là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/6/2024 chị Th tiếp tục yêu cầu anh B phải trả lãi trên nợ gốc là 01%/tháng, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên cần buộc anh B phải trả lãi như sau:

Từ ngày 17/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2024 là 03 tháng 10 ngày x 01%/tháng x 500.000.000đ = 16.650.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*)

[3] Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn anh Phan Văn B phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**[1]** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị My Th. Buộc bị đơn anh Phan Văn B phải trả cho chị Ngô Thị My Th số tiền đã vay theo giấy biên nhận ngày 16/4/2023 là **500.000.000đ** (*Năm trăm triệu đồng*).

Về lãi suất: Buộc anh Phan Văn B phải trả cho chị Ngô Thị My Th số tiền lãi đã Thả thuận trước đó chót đến ngày 16/6/2024 là 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/6/2024 đến ngày xét xử 27/9/2024 là 16.650.000đ. Tổng cộng số tiền lãi tính đến ngày 27/9/2024 là **116.650.000đ** (*Một trăm mười sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: **616.650.000đ** (*Sáu trăm mười sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

**[2]** Về án phí: Tuyên buộc bị đơn anh Phan Văn B phải chịu **28.666.000đ** (*Hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho nguyên đơn chị Ngô Thị My Th số tiền **12.000.000đ** (*Mười hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003592 ngày 18/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

**[3]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Phạm Trung Kiên**